

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **2245/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1603/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T T X L – sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 140 đường BC, Phường X, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông T T H – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 1.18 Lô G Khu dân cư MN, Phường C, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, các bản tự khai, các biên bản tại Tòa án nguyên đơn là bà T T X L trình bày: Bà và ông T T H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014, giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, Dak Lak cấp ngày 05/3/2014.

Quá trình chung sống giữa bà L và ông H ngay sau khi kết hôn được mấy tháng đã do ông H thường xuyên ra ngoài, không quan tâm đến bà trong lúc bà mang thai, bà đã cố gắng nhẫn nhịn để con sinh ra có đủ bố mẹ. Tuy vậy, đến tháng 9/2014, ông H đã bỏ nhà đi và không có bất cứ liên hệ nào với bà và con nữa. Theo bà được biết, ông H làm đám cưới với người khác. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2014 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà L khai nhận bà và ông H có một con chung là Trần Tuấn K sinh ngày 23/9/2014, hiện đang sống với bà, bà xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Bà L khai nhận bà và ông H không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L nộp.

Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn là ông Trần Thanh H : Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện của bà T T X L đối với ông T T H có địa chỉ tại: Số 1.18 Lô G Khu dân cư MN, Phường C, quận Bt, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Công an Phường 3, quận Bình Thạnh thể hiện: “Ông T T H sinh năm 1978 có đăng ký tạm trú tại số 1.18 Lô G Khu dân cư MN, Phường C, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không còn tạm trú địa phương đi đâu không rõ”. Như vậy, ông H đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới, theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HDTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn là Số 1.18 Lô G Khu dân cư MN, Phường C, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông T T H đã được tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng

mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Thanh H .

Bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ và văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà T T X L về việc xin ly hôn với ông Trần Thanh H , Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk cấp ngày 05/3/2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa hôm nay. Điều đó cho thấy ông H không thiết tha hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng, chăm sóc con cái và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Căn cứ Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình thì *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* thì mục đích hôn nhân mới đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà L với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà L về việc xin được trực tiếp nuôi con là Trần Tuấn Kiệt và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ trích lục khai sinh số 220/TLKS-BS do ủy ban nhân dân Phường 14, quận Tân Bình cấp ngày 05/05/2018 thì bà L và ông H có 01 con chung là Trần Tuấn Kiệt sinh ngày 23/9/2014.

Căn cứ xác nhận của Công an Phường 14, quận Tân Bình thì cháu Trần Tuấn Kiệt sinh năm 2014 hiện cư trú tại 140 đường Bàu Cát, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con nên để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ thì việc giao trẻ Trần Tuấn Kiệt cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng, ông H cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà L và không xem xét thêm.

[3.3]. Về tài sản: Bà L khai nhận bà và ông H không có tài sản chung. Ông H không có ý kiến gì về tài sản. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà L và không xem xét thêm.

[3.4]. Về án phí: Án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà L phải nộp.

Đối với phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng và phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Từ Thị Xuân L .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T T X L được ly hôn với ông Trần Thanh H .

2. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Trần Tuấn K sinh ngày 23/9/2014 cho bà T T X L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Ghi nhận ý kiến của bà T T X L về việc bà và ông T T H không có tài sản chung.

4. Về án phí: Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà L phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0021613 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án quận Bình Thạnh. Bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T T X L và ông T T H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P. Tân Lập, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA